

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 25
Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bún cua đồng nấu cà chua, đậu hũ, củ cải, rau muống, ngò gai, ngò rí, hành lá
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá cờ chiên xốt me, tỏi
- Canh củ dền nấu thịt gà, nấm bào ngư, hành lá, ngò rí
Xế: Nước chanh dây
Xế chiều: Xôi thập cẩm (thịt heo, cà rốt, đậu hà lan, tóp mỡ, hành phi, đậu xanh, cốt dừa)
NT nhóm 2: Cháo thịt heo, cà rốt, đậu hà lan

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	300	3,140	9,420
2	0494	Đường cát	300	3,880	11,640
3	N0966	Muối Iot	100	740	740
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,180	8,360
5	0004	Gạo tẻ máy	1,700	2,560	43,520
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,360	2,680
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,820	4,410
8	N0956	Bún gạo 3 Cây dừa	300	4,950	14,850
9	0407	Cua đồng	300	19,430	58,290
10	0087	Cà chua	300	5,670	17,010
11	N0821	Đậu hũ non (đậu phụ non)	100	4,840	4,840
12	0103	Củ cải trắng	200	2,730	5,460
13	0748	Rau muống	100	3,990	3,990
14	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	50	6,410	3,205
15	0654	Phi lê cá cờ	1,800	21,950	395,100
16	0147	Quả me chua	50	4,940	2,470
17	N0795	Củ dền	700	4,940	34,580
18	N0778	Nấm bào ngư	100	12,920	12,920
19	N0772	Thịt ức gà	300	12,920	38,760
20	0662	Chanh dây	500	4,520	22,600
21	0002	Gạo nếp (loại thường)	400	3,050	12,200
22	N0770	Thịt nạc dăm	300	18,800	56,400
23	0089	Cà rốt	200	5,780	11,560
24	0113	Đậu Hà Lan	50	63,420	31,710

25	0059	Đậu xanh	50	6,200	3,100
26	N0879	Nước cốt dừa	100	8,190	8,190
27	N0850	Mỡ heo sống	100	10,300	10,300
28	0457	Sữa bột toàn phần	471.68	20,500	96,694
Tổng cộng					924,999

Tổng tiền thực phẩm	924,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	925,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	15,207,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	15,206,999

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan